

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **24/2017/HS-ST**
Ngày 22 tháng 11 năm 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Diệu**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Khởi**; Nghề nghiệp: Công chức; Nơi công tác: Hội Nông dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng

2. Ông **Nguyễn Văn Kịch**; Nghề nghiệp: Công chức; Nơi công tác: Phòng Nội vụ huyện K, tỉnh Sóc Trăng

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Phạm Thị Hạnh**, Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Quang Đại**-Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 25/2017/HS-ST, ngày 23 tháng 10 năm 2017, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn N**; Giới tính: Nam; Sinh năm 1982; đăng ký thường trú tại: ấp X, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Nghề nghiệp: Làm thuê; Con ông Nguyễn Văn N và bà Trương Thị C; Anh, chị, em ruột có 05 người (lớn nhất sinh năm 1979, nhỏ nhất sinh năm 1988); bị cáo không có vợ con; Tiền án: Ngày 17/5/2017 bị Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (chưa được xóa án tích); Bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam Kênh 5-Bộ Công an từ ngày 04/8/2017 đến nay; Tiền sự: Không. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

1. Nguyễn Văn L; địa chỉ: ấp X, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt)

2. Hồ Chí T; địa chỉ: ấp A, thị trấn L, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt)

Người làm chứng:

1. Lê Ngọc O; địa chỉ: ấp A, thị trấn L, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt)

2. Nguyễn Văn N1; địa chỉ: ấp X, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (có mặt)

3. Dương Văn Đ; địa chỉ: ấp X, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt)

NHẬN THẤY :

Bị cáo Nguyễn Văn N bị Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Liên tiếp 02 ngày 17 và 18/6/2017, bị cáo N thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản của người khác, cụ thể là:

1. Vụ thứ nhất: Khoảng 22 giờ ngày 17/6/2017, bị cáo N điều khiển xe mô tô đi trên tuyến lộ N hướng từ Cần Thơ về thị trấn L, do có ý định trộm cắp tài sản từ trước nên khi đi bị cáo có chuẩn bị sẵn 01 cây kim để làm dụng cụ; khi điều khiển xe đến địa bàn ấp A, thị trấn L, bị cáo N phát hiện tại nhà kho của anh Hồ Chí T đóng cửa nhưng không có người trông giữ, nên bị cáo dừng lại, xuống xe và đi vào nhà kho của anh T, bị cáo phát hiện và lấy 01 máy duỗi sắt có gắn mô tơ, để lên xe mô tô chở về nhà của ông Trương Văn P (là nhà ông ngoại của bị cáo) ở ấp X, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng; sau đó, bị cáo tiếp tục điều khiển xe mô tô trở lại nhà kho của anh T lấy trộm thêm 01 máy cắt sắt loại lớn và 01 máy bơm chìm, chở về nhà ông P để cất giấu.

2. Vụ thứ hai: Khoảng 02 giờ ngày 18/6/2017, bị cáo N đi bộ đến tiệm sửa máy của anh Nguyễn Văn L ngụ cùng ấp với bị cáo; khi phát hiện tiệm sửa máy không có người trông giữ, bị cáo mở cửa vào lấy trộm 01 mô tơ được gắn trong máy cắt sắt, 01 mô tơ dùng làm đá mài, 01 máy khoan cầm tay và 01 máy cắt sắt cầm tay, mang về cất giấu tại nhà ông P.

Sau khi phát hiện bị mất tài sản, anh L đã đến Công an xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng để trình báo và vụ việc được chuyển đến cơ quan Điều tra Công an huyện K để thụ lý điều tra theo thẩm quyền. Quá trình điều tra, đã xác định được bị cáo Nguyễn Văn N là người thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản nêu trên của anh Hồ Chí T và anh Nguyễn Văn L, và bị cáo N đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình tại cơ quan Điều tra.

Tại Biên bản định giá tài sản và bản Kết luận định giá tài sản số 112 ngày 18/9/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã kết luận tổng giá trị tài sản bị cáo N chiếm đoạt của anh L tại thời điểm bị xâm hại là 3.308.000 đồng.

Tại Biên bản định giá tài sản và bản Kết luận định giá tài sản số 113 ngày 18/9/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã kết luận tổng giá trị tài sản bị cáo N chiếm đoạt của anh T tại thời điểm bị xâm hại là 2.860.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 25/QĐ-KSĐT, ngày 19/10/2017, Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Kế Sách để xét xử bị cáo Nguyễn Văn N về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Tất cả tài sản mà bị cáo chiếm đoạt được của các bị hại (anh L và anh T) đã được cơ quan Điều tra thu giữ và trao trả cho chủ sở hữu xong, hiện nay anh L và anh T không yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa, bị cáo N thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Văn N về tội “Trộm cắp tài sản”; đồng thời phân tích, đánh giá tính chất, mức độ, động cơ phạm tội của bị cáo, cân nhắc các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138; các điểm g và p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 và Điều 33 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo N từ 01 đến 02 năm tù; đồng thời đề nghị áp dụng Điều 51 của Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt đối với bản án đã có hiệu lực thi hành trước đây đối với bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY :

Tại phiên tòa, vắng mặt ông Nguyễn Văn L và ông Hồ Chí T, là người bị hại, ông Lê Ngọc O và ông Dương Văn Đ, là người làm chứng; xét thấy sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử và tại phiên tòa, vị đại diện Viện Kiểm sát, bị cáo đều không yêu cầu hoãn phiên tòa, nên căn cứ vào các Điều 191, 192 và 199 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình; lời nhận tội của bị cáo là phù hợp với lời khai trước đây mà bị cáo đã khai ở cơ quan Điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và vụ án còn được chứng minh qua các tài liệu, chứng cứ như biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh thực nghiệm điều tra, kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án mà cơ quan Điều tra đã thu thập được.

Như vậy, đã có đủ cơ sở xác định: Vào khoảng 22 giờ ngày 17/6/2017, tại ấp A, thị trấn L, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, bị cáo Nguyễn Văn N đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của anh Hồ Chí T gồm: 01 máy duỗi sắt có gắn mô tơ, 01 máy cắt sắt loại lớn và 01 máy bơm chìm, có tổng giá trị bằng tiền là 2.860.000 đồng; và liên tiếp đến khoảng 02 giờ ngày 18/6/2017, tại ấp X, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, bị cáo Nguyễn Văn N đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của anh Nguyễn Văn L gồm: 01 mô tơ được gắn trong máy cắt sắt, 01 mô tơ dùng làm đá mài, 01 máy khoan cầm tay và 01 máy cắt sắt cầm tay, có tổng giá trị bằng tiền là 3.308.000 đồng.

Vì vậy, việc Viện Kiểm sát truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự quy định: “*Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm*

đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.”.

Từ những căn cứ và phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử kết luận bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự.

Xét thấy hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vì động cơ vụ lợi đã cố ý xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, được pháp luật bảo vệ, đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội ở địa phương. Bị cáo có đầy đủ năng lực hành vi và năng lực trách nhiệm hình sự; bị cáo biết rõ việc lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, bị cáo đã có 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích, lẽ ra bị cáo phải biết sửa chữa bản thân, nhưng bị cáo xem thường sự trừng phạt của pháp luật, chỉ muốn hưởng thụ thành quả lao động của người khác nên bị cáo tiếp tục phạm tội mới một cách liên tục do cố ý, cụ thể là hai lần phạm tội trong vụ án này đều đủ định lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự, đây là tình tiết tăng nặng thuộc trường hợp “Phạm tội nhiều lần” và “Tái phạm”, được áp dụng theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo. Hội đồng xét xử sẽ áp dụng một hình phạt tù nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội để giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội sau này và đồng thời cũng răn đe, phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau khi phạm tội, bị cáo đã thành khẩn khai báo; tài sản mà bị cáo lấy trộm đã được thu hồi trả lại cho người bị hại, gây thiệt hại không lớn; đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm g và p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự; ngoài ra, bị cáo được các bị hại (anh L và anh T) làm đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt, và bị cáo có ông ngoại (Trương Văn P) là người có công với cách mạng; đây cũng được coi là những tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự, cần được xem xét, áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt mà lẽ ra bị cáo phải chịu.

** Về trách nhiệm dân sự:*

Người bị hại Nguyễn Văn L và Hồ Chí T đã được nhận lại tài sản bị mất trộm xong và không yêu cầu gì về bồi thường thiệt hại, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

** Về xử lý vật chứng:*

Tài sản bị trộm cắp cơ quan Điều tra đã thu hồi trả lại cho các bị hại xong nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

** Về án phí:* Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH :

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; Điều 33; các điểm g, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Áp dụng khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của bản án này với bản án số 14/2017/HSST, ngày 17/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ xử phạt bị cáo N 06 (Sáu) tháng tù; buộc bị cáo Nguyễn Văn N chấp hành hình phạt chung là 02 (Hai) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/8/2017.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Nguyễn Văn N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Các đương sự trong vụ án;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Công an huyện K;
- Trại giam Kênh 5 Bộ Công an;
- Chi cục THA dân sự huyện K;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Diệu